

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 26/2019/TT-BKHCN ngày 25/12/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành Quy chuẩn kỹ thuật.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 48/TTr-SYT ngày 26/3/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 297/STC-HCSN ngày 04/02/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (QCĐP) trước ngày 01/7/2021 góp phần từng bước hoàn thiện hệ thống quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

b) Theo dõi, kiểm soát tốt nhất chất lượng nguồn nước trên cơ sở lựa chọn các thông số đặc thù, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

c) Tăng cường kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguồn nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt tại các cơ sở cung cấp nước nhằm đảm bảo sức khỏe cho người dân.

2. Yêu cầu

a) Bảo đảm sự phù hợp với các quy định của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Thông tư hướng dẫn của Bộ Y tế, Bộ Khoa học và Công nghệ về Quy chuẩn kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

b) Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Nam phải căn cứ trên quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-1:2018/BYT nhằm theo dõi, giám sát, kiểm soát, quản lý chặt chẽ chất lượng nguồn nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt tại địa phương.

II. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Từ tháng 3/2021 đến tháng 9/2021.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH VÀ CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH

1. Nội dung kế hoạch

TT	Lĩnh vực, đối tượng QCDP	Tên QCDP	Cơ quan, tổ chức biên soạn QCDP	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến (ngàn đồng)			Cơ quan, tổ chức đề nghị
				Bắt đầu	Kết thúc	Tổng số	Ngân sách nhà nước	Nguồn khác	
1	Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Nam QCDP 01:2021/QNm	Ban soạn thảo	Quý I/2021	Quý III/2021	934.408	934.408		Sở Y tế Quảng Nam
2	Công tác quản lý					47.100	47.100		
Tổng cộng						981.508	981.508		

2. Các bước tiến hành

** Trình tự, thủ tục phê duyệt kế hoạch xây dựng QCDP*

1. Lập, phê duyệt, thực hiện và điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch xây dựng QCDP.
2. Lấy ý kiến và hoàn chỉnh dự thảo Kế hoạch xây dựng QCDP.
3. Phê duyệt Kế hoạch xây dựng QCDP.
4. Thực hiện Kế hoạch xây dựng QCDP.
5. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch xây dựng QCDP.

** Trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành QCDP*

1. Bước 1: thành lập Ban soạn thảo
2. Bước 2: biên soạn dự thảo QCDP
3. Bước 3: lấy ý kiến và hoàn chỉnh dự thảo QCDP
4. Bước 4: xem xét, cho ý kiến về việc ban hành QCDP
5. Bước 5: ban hành QCDP

3. Nội dung và tiến độ thực hiện: theo Dự án xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt đính kèm Kế hoạch này.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí thực hiện trong dự toán ngân sách phân bổ năm 2021 cho Sở Y tế.

Tổng kinh phí: 981.508.000 đồng.

(Bằng chữ: chín trăm tám mươi mốt triệu, năm trăm lẻ tám nghìn đồng y).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định thành lập Ban soạn thảo QCĐP về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Nam theo đúng hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu, tổ chức triển khai Kế hoạch bảo đảm hiệu quả; kịp thời báo cáo, đề xuất xử lý những vướng mắc vượt thẩm quyền trong quá trình thực hiện.

- Hoàn thiện các hồ sơ thủ tục, hoàn chỉnh dự thảo Quy chuẩn địa phương trình UBND tỉnh phê duyệt, có trách nhiệm rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Nam phù hợp với yêu cầu quản lý, trình độ phát triển về công nghệ, kinh tế xã hội từng thời kỳ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp, hướng dẫn Sở Y tế các trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định và ban hành QCĐP theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Tham gia xây dựng QCĐP về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

- Tham gia đóng góp ý kiến cho dự thảo QCĐP.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Cung cấp cho Sở Y tế số liệu về chất lượng nước bề mặt, nước ngầm được các nhà máy nước khai thác sử dụng để cung cấp nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

- Cung cấp kết quả quan trắc đối với chất lượng nước từ nguồn xả thải từ các khu công nghiệp, sản xuất nông nghiệp; đặc biệt, đối với những khu công nghiệp hoặc cơ sở sản xuất có xả thải hoặc gần nguồn nước, khu vực khai thác nước nguyên liệu của đơn vị cấp nước.

- Tham gia, phối hợp với Sở Y tế xây dựng QCĐP về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

- Tham gia đóng góp ý kiến cho dự thảo QCĐP.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Cung cấp cho Sở Y tế số liệu về chất lượng nước thành phẩm, chất lượng nước thô được các đơn vị cấp nước khai thác thuộc quản lý của Sở.

- Cung cấp thông tin về loại hình sản xuất nông nghiệp (chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản,...), các cơ sở sử dụng thuốc trừ sâu, phân bón... ở những khu vực hành lang bảo vệ nguồn nước, vùng bảo hộ vệ sinh khai thác nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

- Tham gia, phối hợp với Sở Y tế xây dựng QCĐP về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

- Tham gia đóng góp ý kiến cho dự thảo QCĐP.

5. Sở Xây dựng

- Cung cấp cho Sở Y tế thông tin về đơn vị cấp nước thuộc quyền quản lý của Sở Xây dựng và số liệu về chất lượng nước nguồn khai thác, chất lượng nước thành phẩm.

- Tham gia, phối hợp với Sở Y tế xây dựng QCĐP về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

- Tham gia đóng góp ý kiến cho dự thảo QCĐP.

6. Sở Công Thương

- Tham gia, phối hợp với Sở Y tế xây dựng QCĐP về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

- Tham gia đóng góp ý kiến cho dự thảo QCĐP.

7. Sở Tư pháp: tổ chức thẩm định dự thảo QCĐP trước khi hoàn thiện hồ sơ gửi Bộ Y tế cho ý kiến về dự thảo QCĐP.

8. Sở Thông tin và Truyền thông: phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền, triển khai QCĐP trên địa bàn tỉnh.

9. Các Sở, Ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố: phối hợp với Sở Y tế trong việc triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch theo thẩm quyền và lĩnh vực ngành, đơn vị quản lý.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Y tế để phối hợp giải quyết.

Điều 2. Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch nêu tại Điều 1 Quyết định này theo mục đích, yêu cầu đề ra và theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Y tế, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Tư pháp; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: Y tế, Khoa học và Công nghệ;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Quản lý môi trường y tế;
- Viện Pasteur Nha Trang;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật;
- CPVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, KTTH, NC, TH, KGVX.

D:\QUANG V\Năm 2021\Quyết định\QĐ phê duyệt KH XD QCĐP về CL nước sạch sử dụng SH.docx

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Tân

Phụ lục

**DỰ TOÁN KINH PHÍ XÂY DỰNG QUY CHUẨN KỸ THUẬT ĐỊA PHƯƠNG VỀ
CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT**

(Ban hành kèm theo Dự án xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Nam của UBND tỉnh)



STT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Số lượng/ Số lần, lớp...	Số người, lần...	Số ngày/ tháng	Mức chi	Thành tiền (VND)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
TỔNG CỘNG							981.508.400		
I	Nội dung chi trực tiếp cho việc xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương						934.408.400		
1	Chi lập dự án xây dựng QCDP trình cấp thẩm quyền phê duyệt	Dự án	1			1.500.000	1.500.000	Mục b, Khoản 1, Điều 5, Thông tư 27/2020/TT-BTC	
2	Chi công lao động thuê ngoài đối với cán bộ, chuyên gia trực tiếp xây dựng dự thảo QCDP cần khảo sát, khảo nghiệm	Dự án	1			30.000.000	30.000.000	Mục a, Khoản 1, Điều 5, Thông tư 27/2020/TT-BTC	
3	Chi điều tra, khảo sát, đánh giá,... phục vụ công tác xây dựng QCKTĐP						38.700.000	Nghị quyết 43/2017/NQ-HĐND	
3.1	Chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra	cuộc	1			5.000.000	5.000.000	Mục b, Khoản 1, điều 2 Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND	
3.2	Công tác phí đi điều tra, khảo sát	người	1	3	18	100.000	5.400.000	Mục b, Khoản 2, Điều 2 Nghị quyết 20/2017/NQ-HĐND	
3.3	Thuê phòng ngủ	người	1	3	18	300.000	16.200.000	Mục a, Khoản 3, điều 2 Nghị quyết 20/2017/NQ-HĐND	
3.4	Xăng xe	km	2750	0,2	1	22.000	12.100.000	Khoản 1, Điều 2, Nghị quyết 20/2017/NQ-HĐND	
4	Lấy mẫu xét nghiệm nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (99 chỉ tiêu theo QCVN 01:2018)						753.064.400		
4.1	Chi phí xét nghiệm chất lượng nước sạch để kiểm nghiệm, phân tích: (99 chỉ tiêu theo QCVN 01:2018)	mẫu	12			13.814.900	165.778.800	Thông tư 240/2016/TT-BTC	Chi phí sau khi trừ 25 chỉ tiêu IPN xét nghiệm miễn phí
		mẫu	24			22.499.400	539.985.600		
4.2	Xăng xe	km	1.750	0,2	1	22.000	7.700.000	Khoản 1, Điều 2, Nghị quyết 20/2017/NQ-HĐND	
4.3	Phụ cấp công tác phí	người		3	12	100.000	3.600.000	Mục b, Khoản 2, Điều 2 Nghị quyết 20/2017/NQ-HĐND	

STT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Số lượng/ Số lần, lớp...	Số người, lần...	Số ngày/ tháng	Mức chi	Thành tiền (VND)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
4.4	Chi phí mua chai lọ và dụng cụ lấy mẫu	mẫu	36			500.000	18.000.000	Chi theo thực tế	
4.5	Chi phí bảo quản và gửi mẫu	mẫu	36			500.000	18.000.000	Chi theo thực tế	
5	Tổ chức hội thảo chuyên đề lấy ý kiến của đối tượng chịu tác động trực tiếp của QCKT (các cơ sở cấp nước)						33.300.000		
5.1	Hỗ trợ tiền thuê hội trường, trang thiết bị, dọn dẹp, vệ sinh, ...	cuộc	3	1	1	2.000.000	6.000.000	Khoản 1, Điều 11, Thông tư 40/2017/TT-BTC	
5.2	Thù lao chủ trì cuộc họp	cuộc	3	1	1	600.000	1.800.000	Mục i, Khoản 1, Điều 5, Thông tư 27/2020/TT-BTC	
5.3	Hỗ trợ đại biểu tham dự Thành phần gồm: đại diện các cơ sở cấp nước, Sở Y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Trung tâm Y tế huyện	cuộc	3	50	1	100.000	15.000.000	Mục i, Khoản 1, Điều 5, Thông tư 27/2020/TT-BTC	
5.4	Nước uống	cuộc	3	50	1	40.000	6.000.000	Khoản 1, Điều 3, Nghị quyết 20/2017/NQ-HĐND	
5.5	Tài liệu cho đại biểu dự họp	cuộc	3	50	1	30.000	4.500.000	Khoản 2, Điều 11, Thông tư 40/2017/TT-BTC	
6	Chi soạn thảo các báo cáo phục vụ công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản QCKT						45.594.000		
6.1	Chi xây dựng thuyết minh dự thảo	người	0,34	3	15	1.490.000	22.797.000	Khoản 1, Điều 7, Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND	
6.2	Chi tổng hợp ý kiến đóng góp dự thảo	người	0,34	3	15	1.490.000	22.797.000		
7	Chi tổ chức các cuộc họp Ban biên soạn						4.250.000		
7.1	Trưởng ban	cuộc	5	1	1	150.000	750.000	Mục h, Khoản 1, Điều 5, Thông tư 27/2020/BTC	
7.2	Thành viên	cuộc	5	7	1	100.000	3.500.000		
8	Chi lấy ý kiến nhận xét của thành viên Ban soạn thảo, cơ quan ban ngành, đối tượng chịu tác động trực tiếp	dự thảo	1	50	1	500.000	25.000.000	Mục f, Khoản 1, Điều 5, Thông tư 27/2020/BTC	
9	Chi văn phòng phẩm, in ấn, photo tài liệu phục vụ dự án QCKTĐP	QC	1			3.000.000	3.000.000	Chi thực tế theo Mục g, Khoản 1, Điều 5, Thông tư 27/2020/BTC	
II	Hoạt động phục vụ công tác quản lý Quy chuẩn kỹ thuật địa phương						47.100.000		
10	Chi họp hội đồng thẩm định dự thảo QCDP						18.100.000		

STT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	Số lượng/ Số lần, lớp...	Số người, lần...	Số ngày/ tháng	Mức chi	Thành tiền (VND)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
10.1	Chủ trì cuộc họp	cuộc	1	1	1	1.000.000	1.000.000	Mục n, Khoản 1, Điều 5 Thông tư 27/2020/TT-BTC	
10.2	Các thành viên tham dự	cuộc	1	30	1	500.000	15.000.000	Khoản 1, Điều 3, Nghị quyết 20/2017/NQ-HĐND	
10.3	Nước uống	cuộc	1	30	1	40.000	1.200.000	Khoản 2, Điều 11, Thông tư 40/2017/TT-BTC	
10.4	Tài liệu cho đại biểu dự họp	cuộc	1	30	1	30.000	900.000	Mục m, Khoản 1, Điều 5, Thông tư 27/2020/TT-BTC	
11	Chi nhận xét đánh giá phản biện hoặc thăm định của thành viên hội (02 báo cáo phản biện)	báo cáo	2			500.000	1.000.000	Chi theo thực tế	
12	Chi gửi dự thảo lấy ý kiến, thông báo về việc lấy ý kiến dự thảo trên trang điện tử, tạp chí, ấn phẩm chính thức của UBND tỉnh, Sở chuyên ngành Đăng trên Tạp chí Khoa học hoặc Website của Sở Y tế lấy ý kiến QCKTĐP (02 kỳ đối với 01 QCDP)	kỳ	2			5.000.000	10.000.000	Chi thực tế theo Mục g, Khoản 1, Điều 5, Thông tư 27/2020/BTC	
13	Văn phòng phẩm, chi phí in ấn, photo tài liệu liên quan đến việc thực hiện công tác quản lý của cơ quan có thẩm quyền quản lý hoạt động xây dựng QCKTĐP	dự án	1			3.000.000	3.000.000	Chi thực tế theo Mục g, Khoản 1, Điều 5, Thông tư 27/2020/BTC	
14	Chi in ấn tài liệu QCKTĐP sau khi ban hành để phục vụ công tác cấp phát tuyên truyền	bộ	500			30.000	15.000.000	Chi thực tế theo Mục g, Khoản 1, Điều 5, Thông tư 27/2020/BTC	
Bảng chữ: Chín trăm tám mươi một triệu, năm trăm lẻ tám nghìn đồng.									